

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày 03-3-2022

“V/v tranh chấp hội, HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Trần Văn Len

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Hồ Quang Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời:** Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hội, hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C .

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C .

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 24/10/2017 âm lịch bà có mở dây hội loại hội 2.000.000 đồng, có 38 phần, một tháng khai một lần. Bà M có tham gia 01 phần, ở vị trí số 20 tên “ M – C”. Kỳ mở hội đầu tiên bà M bỏ hội và hốt hội được 51.540.000 đồng, ông T, bà M ký nhận tiền. Bà M đóng hội chết đến kỳ thứ 13 thì không đóng nữa. Hiện tại hội đã mãn. Số tiền hội bà M còn thiếu bà 25 kỳ x 2.000.000 đồng = 50.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2018 âm lịch bà M có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3 phân/01 tháng. Bà M thiếu bà số tiền lãi chưa đóng 40 tháng x 20.000.000 đồng x 3%/tháng = 24.000.000 đồng. Tổng số tiền vay gốc và lãi là 44.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà M, ông T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình và không đến tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa bà Lê Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà M, ông T trả tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi 24.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về trình tự, thu thập chứng cứ và tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà M, ông T trả cho bà H tiền hui 50.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà M, ông T trả tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi 24.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm bà H được nhận lại, bà M, ông T phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả tiền hui, tiền vay bị đơn có nơi cư tại huyện Văn Thới, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hui, hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thới theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Vắng mặt của đương sự:* Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T là đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Theo bà Lê Thị H trình bày ngày 24/10/2017 âm lịch bà có mở dây hui loại hui 2.000.000 đồng, có 38 phần, một tháng khai một lần. Bà M, ông T có tham gia 01 phần. Kỳ mở hui đầu tiên bà M, ông T bỏ hui và hốt hui được 51.540.000 đồng, ông T, bà M ký nhận tiền. Bà M, ông T đóng hui chết đến kỳ thứ 13 thì bỏ địa phương đi không đóng nữa, hiện tại hui đã mãn. Số tiền hui bà M, ông T còn thiếu bà 25 phần x 2.000.000 đồng/phần = 50.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà M, ông T trả cho bà số tiền hui thiếu 50.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng, bà M, ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng bà M, ông T vẫn không có mặt tham gia phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tòa án tiến hành xác minh đối với các hội viên như bà Phan Kim T1, bà Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Văn B xác định đây hội bà H làm chủ hội thì bà M có tham gia một chung và đã hốt xong, việc đóng hội và hốt hội giữa các bên như thế nào thì các ông bà không biết. Như vậy việc bà H mở hội và bà M, có tham gia hội như bà H trình bày là thực tế có xảy ra.

[5] Bà H xác định bà M, ông T hốt hội và đóng hội chết đến kỳ thứ 13 thì không đóng nữa. Qua xác minh tại địa phương thì bà M, ông T đã bỏ địa phương đi khoảng 3 đến 4 năm. Như vậy lời trình bày của bà H cho rằng bà M, ông T từ khi bỏ địa phương đi đến nay không đóng hội cho bà là có căn cứ. Thấy rằng bà M, ông T đã hốt hội và chủ hội đã giao đầy đủ tiền lĩnh hội cho bà M, ông T thì bà M, ông T phải có trách nhiệm đóng hội cho chủ hội, thời điểm bà M tham gia chơi hội thì bà M và ông T vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, bà H xác định khi bà M tham gia chơi hội thì ông T biết và khi nhận tiền hốt hội thì có mặt ông T, đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên bà M và ông T có trách nhiệm trả khoảng nợ này. Do đó yêu cầu của bà H yêu cầu bà M, ông T trả số tiền hội chưa đóng số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường cần được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa bà Lê Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà M, ông T trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi 24.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của bà H yêu cầu bà M, ông T trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi 24.000.000 đồng là đúng quy định.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà M, ông T trả cho bà H số tiền hội 50.000.000 đồng.

[9] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà H và bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại án phí sơ thẩm đối với số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 2.350.000 đồng. Bà M, ông T phải chịu án phí sơ thẩm 2.500.000 đồng theo quy định 174 bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 217, 218, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày

19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T trả cho bà Lê Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*Năm chục triệu đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi 24.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M, ông T không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí, ngày 08/7/2021 bà H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 2.350.000 đồng biên lai thu số 0005139 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí 2.500.000 đồng (chưa nộp);

Án xử sơ thẩm, bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Len**

